

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-03-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 783/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST- HNGĐ ngày 17/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Khu Quyết Tiến, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình K, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị H và anh Vũ Đình K kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tình tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 216 ngày 26/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu về gia đình anh Khắc sinh sống tại xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và lối sống, vợ chồng không hợp nhau và không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm cũng như kinh tế, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Cho nên từ cuối năm 2016 chị sống ly thân với anh K cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh K.

2. Về con chung:

Chị H trình bày chị và anh K có hai con chung tên là Vũ Thị Nhung sinh ngày 01/12/2009 và Vũ Đình Trung sinh ngày 09/8/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nhận nuôi cháu Vũ Thị Nhung và đồng ý giao con chung Vũ Đình Trung cho anh K nuôi, về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh K tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị K trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Đình K là bị đơn trong vụ án, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Biên bản xác minh ngày 20/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Lê Thị H và anh Vũ Đình K kết hôn với nhau trên cơ sở tình tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/6/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn 2, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, không còn chung sống cùng với anh K. Chị H và anh K có hai con chung tên là Vũ Thị Nhung sinh ngày 01/12/2009 và Vũ Đình Trung sinh ngày 09/8/2013, anh K và chị H đều có điều kiện, khả năng nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng: Không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Đình K; về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi con chung tên là Vũ Thị Nhung sinh ngày 01/12/2009 và giao cho anh Vũ Đình K tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Vũ Đình Trung sinh ngày 09/8/2013 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Đình K đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 26/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2016 mâu thuẫn trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và anh K sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị H và anh K.

[3]. Về con chung: Chị H và anh K có hai con chung tên là Vũ Thị Nhung sinh ngày 01/12/2009 và Vũ Đình Trung sinh ngày 09/8/2013. Khi ly hôn, chị Hợp đề nghị được trực tiếp nuôi con chung tên là Vũ Thị Nhung sinh ngày 01/12/2009 và đồng ý việc giao con chung Vũ Đình Trung sinh ngày 09/8/2013 còn lại cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, anh K đang trực tiếp nuôi các con chung vẫn ổn định, các con chung phát triển bình thường và được đảm bảo tốt về mọi mặt, chị H và anh K đều có đủ điều kiện, khả năng và thời gian chăm sóc nuôi dạy các con chung. Con chung tên là Vũ Thị Nhung có nguyện vọng được ở với chị Hợp và con chung tên là Vũ Đình Trung có nguyện vọng được ở với anh K khi ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Vũ thị Nhung cho chị H trực tiếp nuôi và giao con chung tên Vũ Đình Trung cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Khắc không có trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Khắc không có trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Đình K.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi con chung tên là Vũ Thị Nhung sinh ngày 01/12/2009 và giao cho anh Vũ Đình K trực tiếp nuôi con chung tên là Vũ Đình Trung sinh ngày 09/8/2013 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định

của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Vũ Đình K không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Vũ Đình K không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002438 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T,
- (Giấy CNKH số 0216 ngày 26/6/2009);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân